TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 12 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Hà Thị H1**, sinh năm 1996, nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 37/2023/QĐDS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Hà Thị H1 tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Thọ Hải, huyện T vào ngày 06/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì không còn hạnh phúc, mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra xích mích, cãi vã. Đến tháng 4/2020 chị H1 đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương, không nói cho anh và gia đình biết. Từ khi chị H1 bỏ đi, anh và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về chị H1, nên anh có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị H1 mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị H1 trên B và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị H1, nên ngày 21/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Hà Thị H1 mất tích. Đến nay anh vẫn không có tin tức xác thực về chị H1, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/10/2014 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 04/7/2019; hiện nay các con đều đang ở với anh. Ly hôn, quan điểm của anh H là đề nghị tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp nuôi con; anh không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hà Thị H1 là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về chị H1, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2023 cháu Nguyễn Thị Y trình bày: Mẹ cháu (chị H1) đã bỏ nhà đi từ rất lâu, cháu và em ở với bố (anh H), được bố chăm sóc chu đáo. Nay bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là xin được cho cháu và em được ở với bố (anh H).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Hà Thị H1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/10/2014 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 04/7/2019 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ: Không xem xét. Về án phí: Buộc

anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Hà Thị H1, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Hà Thị H1 đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Qúa trình giải quyết vụ án không có tin tức xác thực về chị H1, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Hà Thị H1 tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2014, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ tháng 4 năm 2020 chị H1 bỏ nhà đi biệt tích; anh H đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức xác thực về chị H1, nên có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị H1 mất tích. Tại Quyết định số 37/2023/QĐDS-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết tuyên bố chị Hà Thị H1 là người mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị H1 đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh H có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn",* nên chấp nhận yêu cầu của anh H, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Hà Thị H1.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Hà Thị H1 có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/10/2014 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 04/7/2019.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, hiện tại không có tin tức, không biết hiện đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Qúa trình giải quyết vụ án, con chung trên 7 tuổi là cháu Y có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố (anh H); hơn nữa hiện tại cả 02 con chung cũng đang ở ổn định với anh H, đã được anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt từ khi chị H1 bỏ đi biệt tích. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con, cần chấp nhận đề nghị của anh H, giao cả 02 con chung cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị H1 là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ; anh H có ý

kiến không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng, đây là sự tự nguyện của anh H và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn H xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi chị Hà Thị H1 là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ, do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Hà Thị H1.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Hà Thị H1 có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 03/10/2014 và Nguyễn Hà L, sinh ngày 04/7/2019.

Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Y và Nguyễn Hà L cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hà Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016331 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Hải;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến